

MÔ HÌNH HOÁ TÁC ĐỘNG CỦA HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ TỚI NỀN KINH TẾ QUỐC GIA

TS. Nguyễn Trần Quế
Viện Kinh tế và Chính trị thế giới

Khi một quốc gia tham gia hội nhập quốc tế thì trực tiếp hay gián tiếp nó sẽ gây ra những biến đổi trên mọi lĩnh vực của đời sống, cả về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, giáo dục, an ninh, quốc phòng. Trong đó tác động về mặt kinh tế mang tính chất cơ sở và là động lực để cải biến các lĩnh vực khác. Hơn nữa, tùy mức độ hội nhập quốc tế các tác động có thể có những nét khác nhau. Sau đây chúng ta sẽ mô hình hoá tác động của hội nhập kinh tế đối với từng lĩnh vực cụ thể.

Mục tiêu tăng trưởng mà quốc gia nhằm đạt được là tăng sản lượng theo giá so sánh, trong tính toán thống kê đó là tăng số tương đối và tuyệt đối theo giá so sánh của quốc gia trong từng thời kỳ. Để đơn giản, sản lượng mà ta nói ở đây là sản lượng theo giá so sánh. Trong các khoảng thời gian khác nhau, tùy theo tính chất hay xu hướng phát triển chung của nền kinh tế nó sẽ chịu sự tác động của các yếu tố (của các biến số kinh tế) khác nhau. Trong ngắn hạn, sản lượng chịu sự tác động của tổng cầu của nền kinh tế. Trong dài hạn, nó chịu sự quyết định của các yếu tố sản xuất (các nguồn lực) để phát triển kinh tế của quốc gia.

Xét xu hướng chung hay tính chất của nền kinh tế. Nền kinh tế có thể phát triển theo xu hướng "đóng cửa" hoặc xu hướng "mở cửa", thực hiện hội nhập vào thế giới bên ngoài. Lựa chọn con đường phát triển của đất nước theo xu hướng nào kể trên, các yếu tố tác động đến sản lượng ngắn hạn và

dài hạn sẽ khác nhau. Ví dụ, trong nền kinh tế đóng tổng cầu bao gồm các yếu tố: tiêu dùng (chi tiêu) của dân cư (C), đầu tư của doanh nghiệp (I), và chi tiêu (hay tiêu dùng) của chính phủ (G). Với một nền kinh tế mở, tổng cầu của nền kinh tế ngoài ba yếu tố trên còn có một yếu tố quan trọng khác là xuất khẩu thuần hàng hoá và dịch vụ. Như vậy, trong ngắn hạn các yếu tố tác động đến tổng cầu và do đó tác động đến sản lượng trong nền kinh tế mở khác với nền kinh tế đóng. Ở đây chúng ta chỉ đi sâu nghiên cứu việc thực hiện mục tiêu sản lượng trong điều kiện quốc gia "mở cửa" nền kinh tế hay tham gia hội nhập kinh tế với thế giới bên ngoài.

Ta đã biết trong ngắn hạn sản lượng của nền kinh tế phụ thuộc vào tổng cầu. Nếu sử dụng ký hiệu ta có: Tổng cầu = $C + I + G + CA$. Trong đó CA là chênh lệch giữa giá trị xuất khẩu và giá trị nhập khẩu "EX - IM" của quốc gia. Như vậy tổng cầu về sản phẩm của một nước không những bao gồm nhu cầu về hàng hoá và dịch vụ của chính nước đó mà còn bao gồm cả nhu cầu về hàng hoá và dịch vụ của phần còn lại của thế giới về sản phẩm của nước đó nữa. Biểu thức tổng cầu trên cho thấy, khi các yếu tố khác giữ nguyên, tổng cầu tăng khi xuất khẩu tăng. Có nghĩa là tăng trưởng kinh tế quốc gia có phụ thuộc vào khả năng mở rộng thị trường. Hội nhập kinh tế quốc tế cho phép giải quyết vấn đề này.

Để thuận lợi cho việc nghiên cứu cần đề cập tới các yếu tố tác động đến tổng cầu, giả thiết ban đầu của chúng ta là: Cầu đầu tư (I) là đã xác định, cầu tiêu dùng của chính phủ (G) là đã biết. Như vậy còn hai yếu tố tác động đến tổng cầu của nền kinh tế là tiêu dùng của dân cư (C) và CA.

Tiêu dùng của dân cư có hai bộ phận: Tiêu dùng tự định (tiêu dùng không phụ thuộc vào thu nhập) và tiêu dùng phụ thuộc vào thu nhập (thu nhập khả dụng), mà thu nhập khả dụng là hiệu số giữa thu nhập quốc dân và các khoản thuế thu nhập ($Y_d = Y - T$). Cầu tiêu dùng sẽ tăng khi thu nhập khả dụng của dân cư tăng lên. Như vậy, cầu tiêu dùng và thu nhập khả dụng có quan hệ đồng biến với nhau.

Tài khoản vãng lai của một nước phụ thuộc vào nhiều yếu tố: tỷ giá hối đoái thực tế của đồng nội tệ so với đồng ngoại tệ, thu nhập khả dụng của quốc gia, mức chi tiêu của nước ngoài, v.v... ở đây chúng ta chỉ tập trung nghiên cứu hai yếu tố: tỷ giá hối đoái thực tế và thu nhập khả dụng, còn các yếu tố khác giả định là không đổi.

Ký hiệu q là tỷ giá hối đoái thực tế, $q = E \cdot P^*/P$. Trong đó P^* là giá cả các tập hợp chi tiêu đại diện nước ngoài (mức giá nước ngoài), P là giá cả các tập hợp chi tiêu đại diện trong nước (mức giá trong nước), E là tỷ giá hối đoái danh nghĩa. Do tỷ giá hối đoái thực tế và thu nhập khả dụng có tác động đến CA nên CA có thể viết dưới dạng:

$CA = CA(E \cdot P^*/P, Y_d)$. sau đây chúng ta sẽ xem xét từng yếu tố có ảnh hưởng như thế nào đến tài khoản vãng lai.

- Các thay đổi của tỷ giá hối đoái thực tế và CA:

Khi tỷ giá hối đoái thực tế thay đổi nó sẽ có tác động tới cả xuất khẩu lẫn nhập khẩu và do đó tác động tới CA. Khi $E \cdot P^*/P$ tăng lên, các sản phẩm nước ngoài đã trở nên đắt hơn so với các sản phẩm trong nước, người nước ngoài muốn mua các hàng hoá của nội địa nhiều hơn, xuất khẩu (EX) tăng làm CA tăng lên. Với nhập khẩu (IM), khi $E \cdot P^*/P$ tăng lên, hàng nhập khẩu đắt lên, người tiêu dùng nội địa giảm việc mua các sản phẩm nước ngoài, nhập khẩu giảm làm cho CA tăng lên. Như vậy, chính sách về tỷ giá hối đoái thực tế có ảnh hưởng tới giá trị xuất khẩu, giá trị nhập khẩu và do đó tác động tới tài khoản vãng lai và tác động tới mức tăng trưởng kinh tế.

- Các thay đổi của thu nhập khả dụng và tài khoản vãng lai.

Như đã biết, khi thu nhập khả dụng (Y_d) tăng lên, người tiêu dùng sẽ tăng chi tiêu cho cả hàng hoá sản xuất trong nước lẫn hàng nhập khẩu ở nước ngoài. Với giả thiết thu nhập nước ngoài không đổi nhu cầu về hàng xuất khẩu giữ nguyên thì khi (Y_d) tăng lên, sẽ tăng nhu cầu về hàng nhập khẩu (tức IM tăng). Do EX không tăng, IM tăng lên nên CA sẽ giảm xuống.

- Các yếu tố tác động đến tài khoản vãng lai thì cũng đồng thời tác động đến tổng cầu. Nếu ký hiệu AD là tổng cầu và sử dụng các ký hiệu đã nêu ở trên ta có công thức:

$$AD = C(Y - T) + I + G + CA(E \cdot P^*/P, Y - T),$$

hay AD là hàm số của các biến số $E \cdot P^*/P$, $Y - T$, I, G, tức là $AD = AD(E \cdot P^*/P, Y - T, I, G)$

Tổng cầu phụ thuộc vào tỷ giá hối đoái thực tế, thu nhập thực tế nội địa, mức thuế với I và G đã định.

Khi $E \cdot P^*/P$ tăng, các yếu tố khác giữ nguyên hàng hoá và dịch vụ trong nước rẻ hơn làm cho trong nước cũng như nước ngoài chuyển dịch từ nhu cầu hàng hoá nước ngoài sang hàng hoá trong nước, CA tăng lên làm tổng cầu tăng lên. Ngược lại, khi $E \cdot P^*/P$ giảm xuống, các yếu tố khác không đổi, hàng hoá và dịch vụ trong nước trở nên đắt hơn làm cho chi tiêu trong nước cũng như nước ngoài chuyển dịch từ hàng hoá trong nước sang hàng hoá nước ngoài.

Xét quan hệ giữa thu nhập thực tế và tổng cầu. Nếu thuế thu nhập không đổi, thu nhập thực tế (Y) tăng, các yếu tố khác không đổi làm thu nhập khả dụng (Y_d) tăng, chi tiêu về hàng nhập khẩu tăng dẫn đến CA giảm và giảm tổng cầu.

Ở đây chúng ta chú ý hai khía cạnh, một mặt thu nhập khả dụng tăng làm tăng tổng cầu, nhưng đồng thời mặt khác như đã chỉ ra ở trên Y_d tăng cũng làm tăng nhập khẩu, có tác dụng làm giảm CA và ngược lại làm giảm tổng cầu. Thông thường khi có 1đ thu nhập tăng thêm, phần chi của dân cư cho sản phẩm nội địa sẽ ít hơn phần chi cho sản phẩm nhập khẩu. Kết hợp cả hai mặt, tác động tổng thể cuối cùng làm cho tổng cầu tăng. Tức là một sự tăng lên của thu nhập thực tế trong nước làm tăng tổng cầu đối với sản phẩm nhập khẩu và ngược lại một sự giảm sút của thu nhập thực tế trong nước làm tăng tổng cầu đối với sản phẩm nội địa.

Chúng ta sẽ xét tiếp việc thực hiện mục tiêu sản lượng có tính đến yếu tố thời gian. Cụ thể, sản lượng được quyết định như thế nào trong ngắn hạn. Giả định giá tính bằng tiền của các hàng hoá và dịch vụ tạm thời cố định⁽¹⁾, trong ngắn hạn sản lượng (sản lượng cân bằng) do tổng cầu quyết định. Do đó thị

trường hàng hoá đạt trạng thái cân bằng khi sản lượng thực tế (Y) bằng tổng cầu về các sản phẩm nội địa hay bằng tổng chi tiêu dự kiến của toàn xã hội, có nghĩa là:

$$Y = AD(E \cdot P^*/P, Y - T, I, G)$$

Các yếu tố gây ra biến động của tổng cầu thì đồng thời cũng gây ra những biến động của sản lượng. Như vậy, để đạt mục tiêu sản lượng (tăng sản lượng thực tế trong điều kiện nền kinh tế quốc gia hội nhập với thế giới bên ngoài (xét riêng quan hệ thương mại quốc tế)). Các nhà quản lý cũng như các nhà hoạch định chính sách phải tính đến nhiều yếu tố không chỉ bên trong biên giới quốc gia, mà còn cả những yếu tố bên ngoài. Chi tiết hơn, trong ngắn hạn nó chịu tác động của các yếu tố như: tỷ giá hối đoái danh nghĩa, mức giá nội địa, mức giá bên ngoài, thu nhập của cư dân nước ngoài và các yếu tố khác. Trong đó các yếu tố như: giá của đồng ngoại tệ, mức giá bên ngoài, thu nhập nước ngoài, v.v... là những yếu tố không phải tính đến với một nền kinh tế đóng nhưng lại là những yếu tố khá nhạy cảm đối với mục tiêu sản lượng của mỗi quốc gia với một nền kinh tế mở.

Bây giờ chúng ta sẽ xét tiếp việc thực hiện mục tiêu sản lượng do tác động của các yếu tố I, G , trong bối cảnh hội nhập kinh tế với bên ngoài của quốc gia như thế nào.

Trước hết, về mối quan hệ giữa đầu tư và tiết kiệm. Nhớ lại biểu thức sản lượng cân bằng trong ngắn hạn.

$$Y = C + I + G + CA$$

Trong đó:

C là tiêu dùng của các hộ gia đình

G là tiêu dùng của chính phủ.

Tiết kiệm quốc gia bằng thu nhập thực tế (hay sản lượng thực tế) trừ đi tiêu dùng của các hộ gia đình và tiêu dùng của chính phủ. Gọi S là tiết kiệm quốc gia thì $S = Y - C - G$ hay $Y - C - G = I + CA$; $S = I + CA$

Nếu ở nền kinh tế "đóng" ta thấy $S = I$ vì lúc đó $CA = 0$ thì ở đây với nền kinh tế "mở" hay nền kinh tế có hội nhập với bên ngoài tiết kiệm khác đầu tư, tiết kiệm có thể thực hiện bằng cách tăng dự trữ vốn trong nước hoặc có tài sản ở nước ngoài.

Trong nền kinh tế "đóng" muốn khai thác một cơ hội đầu tư có lợi thì quốc gia phải bớt tiêu dùng, tăng tiết kiệm. Còn với các nền kinh tế "mở" để khai thác một cơ hội đầu tư có lợi không nhất thiết phải tăng tiết kiệm. Bởi quốc gia có thể tăng được đầu tư nhờ vào việc vay mượn tiền thanh toán ở bên ngoài để nhập khẩu các vật liệu, thiết bị cần thiết. Hoạt động nói trên sẽ làm tăng thâm hụt về tài khoản vãng lai của đất nước một lượng bằng khoản tăng trong đầu tư. Có hai nước A và B chẳng hạn, tiết kiệm của A có thể được B mượn để tăng dự trữ vốn của nó, nên thặng dư tài khoản vãng lai của A thường được coi như khoản đầu tư ròng ở nước ngoài của A. Đương nhiên một phần thu nhập của B trong tương lai phải được dùng để trả lại cho A.

Đầu tư trong nền kinh tế mở dựa trên hai nguồn vốn tích lũy – Nguồn tích lũy bên trong nền kinh tế và nguồn tích lũy từ vay nợ bên ngoài (kể cả dưới hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài). Với nguồn tích lũy từ vay nợ nước ngoài, ta thấy một khoản tăng lên trong I cũng là một khoản giảm xuống trong CA. Phần tăng trong I bù trừ phần giảm của CA, dường như sự tăng I không ảnh hưởng đến Y trong ngắn hạn. Nhưng vấn đề ở chỗ tài sản vốn tăng, kể cả khi cơ sở đầu tư mới

đang trong quá trình xây dựng chưa đi vào hoạt động nó đã tạo thêm một số việc làm, lúc đó làm cho tiêu dùng của tư nhân (C) tăng (và do đó Y tăng).

Trong dài hạn I tăng, năng lực sản xuất trong nước tăng, chỗ làm việc tăng, thu nhập và tiêu dùng của dân cư tăng. Nếu đầu tư mới để sản xuất hàng xuất khẩu thì xuất khẩu tăng (CA tăng), do đó Y tăng (tuy có phải trả nợ). Nhưng những dự án đầu tư chọn lựa đúng, đem lại hiệu quả cao thì phần trả nợ cho nước ngoài sẽ nhỏ hơn phần sản lượng thực tế (hay thu nhập thực tế) tăng lên.

Tiết kiệm liên quan đến đầu tư, đầu tư lại liên quan đến chi tiêu của chính phủ (G) và ngân sách (T - G). Để làm rõ các mối quan hệ trên và đi sâu thêm một bước việc thực hiện mục tiêu sản lượng trong nền kinh tế mở ta phân tích thêm về tiết kiệm.

Tiết kiệm quốc gia nói trên có hai phần: Tiết kiệm của tư nhân (S^p) và tiết kiệm của chính phủ (S^g). Tiết kiệm tư nhân là phần thu nhập khả dụng được tiết kiệm chứ không tiêu dùng. Khi sử dụng các kí hiệu ta có:

$S^p = Y - T - C$. Còn tiết kiệm của chính phủ là chênh lệch giữa các khoản thu thuế ròng của chính phủ (T) với chi tiêu của chính phủ (G). Khi sử dụng các kí hiệu ta có: $S^g = T - G$. Ở trên ta đã có:

$$S = I + CA = S^p + S^g$$

$$\text{Suy ra } S^p = I + CA - S^g = I + CA - (T - G) \text{ hay } S^p = I + CA + (G - T) \quad (1)$$

Biểu thức trên cho thấy mối quan hệ giữa tiết kiệm của tư nhân với đầu tư trong nước với tài khoản vãng lai và tiết kiệm của chính phủ (cũng gọi là thâm hụt ngân sách của chính phủ). Tiết kiệm tư nhân của một

nước có thể diễn ra theo ba hình thức: Đầu tư vốn trong nước (I), mua tài sản ở nước ngoài (CA) và mua khoản nợ của chính phủ (G - T). Từ đây ta thấy, với một nền kinh tế mở nhà đầu tư sẽ có một không gian rộng hơn để tìm cơ hội đầu tư có hiệu quả cao.

Biểu thức (1) vừa nêu có thể viết lại $CA = S^p - I - (G - T)$

Từ đây chúng ta lại thấy: Sự gia tăng của tiết kiệm tư nhân sẽ làm tăng thặng dư trong tài khoản vãng lai, còn sự gia tăng đầu tư hoặc tăng thâm hụt ngân sách sẽ làm giảm thặng dư trong tài khoản vãng lai.

Do đầu tư liên quan đến tiết kiệm, mà tiết kiệm lại liên quan đến tài khoản vãng lai rồi liên quan đến chi tiêu và ngân sách chính phủ. Tức là tiết kiệm tư nhân, đầu tư, tài khoản vãng lai và thâm hụt của chính phủ là những biến số được quyết định đồng thời.

Sự phân tích trên cho thấy mục tiêu sản lượng trong nền kinh tế hội nhập với thế giới bên ngoài cả trong ngắn hạn và dài hạn lại được quyết định bởi tổng thể nhiều yếu tố

hơn so với nền kinh tế đóng. Việc tìm ra mắt xích chủ đạo nào trong chuỗi các tác động bên trong, bên ngoài đó để thực hiện mục tiêu trong những bối cảnh cần thiết là hết sức quan trọng. Nhưng rõ ràng khả năng thực hiện một tốc độ tăng trưởng cao ổn định như dự kiến hơn so với đóng, không tham gia hội nhập■

(1) Thực ra, khi Y thay đổi cuối cùng cũng gây ra những thay đổi trong mức giá, làm dịch chuyển nền kinh tế tới trạng thái cân bằng dài hạn của nó. Các yếu tố sản xuất được sử dụng sẽ quyết định mức sản lượng thực tế (Y), tỷ giá hối đoái thực tế sẽ điều chỉnh để làm cân bằng mức sản lượng thực tế dài hạn với tổng cầu

Tài liệu tham khảo:

1. Toàn cầu hoá, tăng trưởng và nghèo đói, Sách dịch. Tập thể tác giả, NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội – 2002
2. Globalisation and problems of an Optimal Development Strategy. N. Ivanov MEMO - N°2/2000
3. Kinh tế ngày nay. Tập thể tác giả. Sách dịch. NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội- 2003